

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 25/12/2025.
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Chức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khắc Thiện

Ông Khoàng Văn Hặc

Thư ký phiên tòa: Ông Phìn Đại Quảng – Thư ký viên chính Tòa án nhân dân khu vực 4-Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25/12/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 01/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Điện Biên giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lý Thị D – Sinh năm: 1983. Địa chỉ: Bản N, xã N, tỉnh Đ, có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Vàng A C – Sinh năm: 1981. Địa chỉ: Bản N, xã N, tỉnh Đ (hiện đang chấp hành án tại trại giam Công an tỉnh Đ (C10) địa chỉ: Bản C, xã T, tỉnh Đ), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. **Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Lương Văn Bình – Trợ giúp viên thực hiện trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/10/2025, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lý Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vàng A C chung sống với nhau tại bản Na Sang, xã Na Sang, tỉnh Điện Biên từ năm 1998 không đăng ký kết hôn. Chung sống là tự nguyện không ai bị lừa dối, ép buộc. Từ khi về chung sống với

nhau hòa thuận hạnh phúc không có gì mâu thuẫn lớn. Đến ngày 23/12/2017 chồng vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử tuyên án tử hình, sau khi chồng đi chấp hành án thì gia đình chồng thường xuyên gây khó khăn C mẹ con chị. Thời gian chồng chấp hành án chị vẫn thăm gặp chồng, chị đều ý kiến với chồng nhưng chồng không để ý đến, không khuyên người nhà chồng, gia đình chồng hay gây khó khăn C chị trong việc chăm sóc con cái. Đến nay chị xác định không còn tình cảm với chồng nên đề nghị Tòa án nhân dân giải quyết ly hôn C chị và anh Vàng A C theo quy định pháp luật.

Về quan hệ con chung: Có hai con chung Vàng Thị L, sinh ngày 26/3/2010 và Vàng A T, sinh ngày 16/6/2014. Các con đang ở cùng chị. Anh C đang đi chấp hành án, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu đến tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng việc nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải anh Vàng A C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và thời điểm phát sinh mâu thuẫn như chị D trình bày, hiện tại anh đi chấp hành án. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về nuôi con chung: Có hai con như chị D trình bày. Anh đang đi chấp hành án nên anh đồng ý theo nguyện vọng của các con. Đồng ý để chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con đến tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh không phải cấp dưỡng việc nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, tại biên bản xác minh về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và điều kiện nuôi con của chị D và anh C ngày 30/10/2025 thể hiện: Chị Lý Thị D và anh Vàng A C chung sống cùng nhau tại bản Na Sang, xã Na Sang, tỉnh Điện Biên đến nay chưa có đăng ký kết hôn. Cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, hiện tại anh C đang đi chấp hành án tù. Có 02 con chung là Vàng Thị L, sinh ngày 26/3/2010 và Vàng A T, sinh ngày 16/6/2014. Xét về điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trông nom con chung, anh C đang đi chấp hành án tù, Chị D không có công việc làm ổn định, nhưng có đủ sức khỏe lao động, kiếm thu nhập, có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị D vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn, về phần con chung các cháu L và T đều có nguyện vọng được ở với chị.

Do vậy đề nghị Tòa án chấp nhận ý kiến của chị và các cháu. Chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Vàng A C có đơn xin xét xử vắng mặt nội dung đơn: Các vấn đề chị D yêu cầu Tòa án giải quyết anh đã thể hiện rõ quan điểm trong biên bản lấy lời khai, trong biên bản hòa giải nên anh không có ý kiến gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp C nguyên đơn ông Lường Văn Bình trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự đã giao nộp và trong quá trình giải quyết vụ án, ý kiến chị D tại phiên toà để xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị D và anh Vàng A C; Về con chung: Giao các cháu Vàng Thị L, sinh ngày 26/3/2010 và Vàng A T, sinh ngày 16/6/2014 C chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động. Ghi nhận việc chị D không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng việc nuôi con chung; Về tài sản, nợ: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật: Về thẩm quyền và trình tự thủ tục Thẩm phán, thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 5; khoản 1, khoản 7 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016-TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị D và anh Vàng A C.

- Về con chung: Giao các cháu Vàng Thị L và Vàng A Thái C chị Lý Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu đến tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Ghi nhận việc chị D không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng việc nuôi con chung. Anh C được đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, việc thăm nom được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản, nợ: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Lý Thị D là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí, đề nghị HĐXX miễn án phí DSST C chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Điện Biên theo quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 28, Điều 35 (sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15); điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Vàng A C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 25/12/2025. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự Vàng A C.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Lý Thị D và anh Vàng A C về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998, chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn (có xác nhận của UBND xã Na Sang, tỉnh Điện Biên). Đến thời điểm chị D có đơn khởi kiện xin ly hôn, mặc dù hai bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng hai bên vẫn không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Việc hai bên chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải ngày 13/11/2025, hai anh chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy căn cứ vào khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014”; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Lý Thị D và anh Vàng A C là vợ chồng.

- Về con chung: Chị D và anh C có 02 con chung Vàng Thị L, sinh ngày 26/3/2010 và Vàng A T, sinh ngày 16/6/2014, cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ và chị D cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. Chị D không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C nhất trí. Sự thoả thuận của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

- Về tài sản và nợ: Trong quá trình giải quyết chị D và anh C cùng thống nhất tự thoả thuận về tài sản và nợ không có, không yêu cầu giải quyết, do vậy HĐXX không đề cập xem xét.

[3] Án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Lý Thị D là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân gia đình phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên chị Lý Thị D là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, chị D có đơn xin miễn án phí nên HĐXX căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm C chị D là phù hợp.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Điện Biên tại phiên tòa và những đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp C nguyên đơn phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016-TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Điều 5; khoản 1, khoản 7 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị D và anh Vàng A C.

2. Về con chung: Giao cháu Vàng Thị L, sinh ngày 26/3/2010 và cháu Vàng A T, sinh ngày 16/6/2014 C chị Lý Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến khi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Ghi nhận việc chị Lý Thị D không yêu cầu anh Vàng A C phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C được đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, việc thăm nom được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu. Tòa án sẽ xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm C chị Lý Thị D.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/12/2025). Anh Vàng A C được quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng GD, KT, TT & THA - TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND Khu vực 4 - Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và LIHP của NĐ;
- UBND xã Na Sang;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Chúc